TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 33/2017/QĐST- HNGĐ	*Hòa An, ngày 15 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 39/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lưu Quý D -** Sinh năm 1978

- *Bị đơn:* Bà **Nông Thị Bích L** - Sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: xóm T, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Lưu Quý D**– sinh năm: 1978

- Bị đơn: Bà **Nông Thị Bích L** – sinh năm: 1984

Cùng địa chỉ: xóm T, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Lưu Quý D và bà Nông Thị Bích L.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Lưu Quý D và bà Nông Thị Bích L về việc sau khi ly hôn ông Lưu Quý D sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là cháu Lưu Nông T – sinh ngày 28/02/2004, bà L sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 01 con chung là cháu Lưu Nông Duy P, sinh ngày 07/12/2013 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi), không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông D, bà L có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Ông D và bà L cùng xác nhận vợ chồng có tài sản chung bao gồm: 01 căn nhà xây 02 tầng, 01 nhà bếp, công trình phụ, 300 m2 đất ruộng, 180 m2 đất rẫy. Tất cả những tài sản trên hiện chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có giá trị khoảng 500.000.000 *(Năm trăm triệu đồng).*

Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của ông D và bà L về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Cụ thể: Sau khi ly hôn ông Lưu Quý D sẽ là người quản lý, sử dụng tất cả những tài sản trên. Ông D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nông Thị Bích L số tiền là 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)* trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày 07/8/2017. Nếu hết thời hạn này mà ông D không trả số tiền trên cho bà L thì ông D phải chịu thêm lãi suất trong thời gian chậm trả theo lãi suất cơ bản của Nhà nước tương ứng với số tiền chậm thanh toán. Sau khi ông D giao đủ số tiền trên cho bà L thì bà L sẽ giao toàn bộ số tài chung cho ông D quản lý, sử dụng.

- Về cho vay, nợ chung: Ông D và bà L cùng xác nhận vợ chồng không có cho vay, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Lưu Quý D và bà Nông Thị Bích L mỗi người phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn. Ông D tự nguyện nộp thay cho bà L 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí. Ông D phải nộp tổng cộng là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AB/2012/02166 ngày 21/7/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H, Cao Bằng. Nay, ông D được hoàn lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện H Cao Bằng
- CC THADS huyện H, Cao Bằng;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Hoàng Kim Chi